Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9108.12.00

Mã HS	9108.12.00
Mô tả hàng hóa	Máy đồng hồ cá nhân, hoàn chỉnh và đã lắp ráp / - Hoạt động bằng điện: / - - Chỉ có mặt hiển thị bằng quang điện tử
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	12/11/2026 09:34:27
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/91081200/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18333
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18333
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18333
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục B)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	10,9	10,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	14	14%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17658
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17587
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17587
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17587
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17587
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17587
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17587
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E17643
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17643

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17643
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17643
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17643
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17643
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	4	VJ!E17644
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2	VJ!F17644
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17644
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17644
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17644
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17644
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17649
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17605
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17601
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17601
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17601
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17601
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17601
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17601
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17647
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17647
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17647
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17647
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17647
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17647
VCFTA	2022	2022	4	VC!D17709
VCFTA	2023	2023	2	VC!E17709

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17709
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17709
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17709
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17709
VN-EAEU	2022	2022	5,5	EAV!D17687
VN-EAEU	2023	2023	3,6	EAV!E17687
VN-EAEU	2024	2024	1,8	EAV!F17687
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17687
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17687
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17687
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D17680
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E17680
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F17680
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G17680
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H17680
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17680
EVFTA	2022	2022	10	EV-NK!D17710
EVFTA	2023	2023	6,6	EV-NK!E17710
EVFTA	2024	2024	3,3	EV-NK!F17710
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17710
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17710
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17710
UKVFTA	2022	2022	10	UKV!D17709
UKVFTA	2023	2023	6,6	UKV!E17709
UKVFTA	2024	2024	3,3	UKV!F17709
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17709

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17709
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17709
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17803
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17803
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17803
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17803
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17803
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17803
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17803
RCEP A	2022	2022	18	RCEPT-A!D17672
RCEP A	2023	2023	16	RCEPT-A!E17672
RCEP A	2024	2024	14	RCEPT-A!F17672
RCEP A	2025	2025	12	RCEPT-A!G17672
RCEP A	2026	2026	10	RCEPT-A!H17672
RCEP A	2027	2027	8	RCEPT-A!I17672
RCEP B	2022	2022	18	B!D17672
RCEP B	2023	2023	16	B!E17672
RCEP B	2024	2024	14	B!F17672
RCEP B	2025	2025	12	B!G17672
RCEP B	2026	2026	10	B!H17672
RCEP B	2027	2027	8	B!I17672
RCEP C	2022	2022	18	C!D17670
RCEP C	2023	2023	16	C!E17670
RCEP C	2024	2024	14	C!F17670
RCEP C	2025	2025	12	C!G17670
RCEP C	2026	2026	10	C!H17670

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	8	C!I17670
RCEP D	2022	2022	18,2	D!D17669
RCEP D	2023	2023	16,4	D!E17669
RCEP D	2024	2024	14,5	D!F17669
RCEP D	2025	2025	12,7	D!G17669
RCEP D	2026	2026	10,9	D!H17669
RCEP D	2027	2027	9,1	D!I17669
RCEP E	2022	2022	18	E!D17673
RCEP E	2023	2023	16	E!E17673
RCEP E	2024	2024	14	E!F17673
RCEP E	2025	2025	12	E!G17673
RCEP E	2026	2026	10	E!H17673
RCEP E	2027	2027	8	E!I17673
RCEP F	2022	2022	18	F!D17672
RCEP F	2023	2023	16	F!E17672
RCEP F	2024	2024	14	F!F17672
RCEP F	2025	2025	12	F!G17672
RCEP F	2026	2026	10	F!H17672
RCEP F	2027	2027	8	F!I17672
VIFTA	2024	2024	18	VI!F16566
VIFTA	2025	2025	16	VI!G16566
VIFTA	2026	2026	14	VI!H16566
VIFTA	2027	2027	12	VI!I16566

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9108.12.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 9108.12.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18333), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.